TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN VĨNH THUẬN** TỈNH KIÊN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **20**/2018/HS-ST
Ngày: 17 - 8 - 2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH THUẬN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Vũ.

Các Hội thẩm nhân dân: **1**. Bà Phan Thị Cẩm.

2. Bà Võ Thị Thúy An.

-***Thư ký phiên tòa*:** Ông Lê Trọng Nguyễn - Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Thuận tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Tri Phương - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 8 năm 2018, tại Phòng xử án của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Thuận xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 14/2018/TLST-HS ngày 22 tháng 5 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 75/2018/QĐXXST-HS ngày 14/6/2018 đối với bị cáo Danh T, sinh năm 1979; tại Kiên Giang; Nơi cư trú: không có nơi cư trú rõ ràng; Tạm trú: ấp Đ, xã T, huyện T, tỉnh Kiên Giang; Nghề nghiệp: làm thuê; Trình độ văn hoá: 5/12; Dân tộc: Khơ me; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Danh S và bà Mai Thị T; Vợ là Phạm Thị Mỹ L; Con có 02 người, lớn nhất 17 tuổi, nhỏ nhất 12 tuổi; Anh chị ruột có 07 người, lớn nhất 60 tuổi, nhỏ nhất 44 tuổi; Tiền án: Chưa; tiền sự: Có 01 tiền sự (Ngày 03/10/2018 bị Công an xã P xử phạt vi phạm hành chính số tiền 1.000.000đ về hành vi trộm cắp tài sản). Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 12/3/2018 cho đến nay (Có mặt).

Người bị hại: Chị Phạm Thị Hồng K, sinh năm 1995; địa chỉ: ấp Đ, xã P, huyện T, tỉnh Kiên Giang (Vắng mặt).

Người bào chữa cho bị cáo: Luật sư Phan Thanh T - Cộng tác viên của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Kiên Giang; Địa chỉ: khu phố P, thị trấn T, huyện T, tỉnh Kiên Giang (Có mặt).

Người làm chứng:

1/ Bà Lê Thị Đ, sinh năm: 1957; địa chỉ: ấp Đ, xã P, huyện T, tỉnh Kiên Giang (Có mặt).

2/ Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1965; địa chỉ: ấp Đ, xã T, huyện T, tỉnh Kiên Giang (Có mặt).

3/ Anh Nguyễn Trường A, sinh năm 1988; địa chỉ: ấp K, xã T, huyện T, tỉnh Kiên Giang (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Khoảng 21 giờ ngày 10/02/2018, sau khi đã uống rượu ở nhà người quen ở ấp Đ, xã P thì Danh T đi đến nhà cha mẹ ruột của Phạm Thị Hồng K ngụ cùng ấp để nói chuyện và uống trà với cha của K được khoảng 30 phút thì T ra về (chòi tạm nơi T ở nhờ làm thuê ở ấp Đ, xã P). Khi về đến chòi, T ngủ đến khoảng 01 giờ ngày 11/02/2018 thì thức dậy đi vệ sinh nhưng không tìm thấy đôi dép của mình nên T đến nhà cha mẹ của K để tìm dép. Đến nơi thì mọi người đã ngủ, T vào nhà của cha mẹ K lấy dép của mình thì thấy vợ chồng của Phạm Thị Hồng K ngủ trên giường ở hành lang nhà, bên trong mùng có điện thoại của K đang sạc pin nên T nảy sinh ý định trộm điện thoại. T đi đến gần giường và rút dây sạc lấy điện thoại bỏ vào túi quần rồi đi về chòi lấy bọc nilon bỏ điện thoại vào rồi đem ra vùi dưới đống cát cách chòi khoảng 08m, sau đó T vào chòi ngủ tiếp. Đến khoảng 03 giờ sáng cùng ngày chị K thức giấc không tìm thấy điện thoại nên nghi bị mất trộm và cùng mọi người trong nhà tổ chức tìm theo hướng chòi T đang ở; đồng thời dùng điện thoại khác gọi vào số điện thoại của K, thì nghe tiếng chuông điện thoại reo dưới đống cát nên mọi người tìm được điện thoại và chị K xác định đó là chiếc điện thoại mình bị mất. Sau đó chị K cùng mẹ ruột và chồng của K đến chòi của T gọi T thức dậy để hỏi về việc mất trộm điện thoại nhưng T không thừa nhận. Do đó, chị K đến Công an xã P trình báo sự việc. Trong quá trình điều tra T đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội.

*Tại kết luận định giá tài sản số: 03/KL-HĐĐGTS ngày 13/02/2018 của Hội đồng định giá tài sản huyện Vĩnh Thuận kết luận tại thời điểm tháng 02/2018 giá trị 01 điện thoại di động hiệu OPPO A37 màu trắng đen có giá trị còn lại là 3.151.820đ.

Về vật chứng: 01 (một) điện thoại di động màu trắng đen hiệu OPPO A37, điện thoại đã qua sử dụng.

Tại bản Cáo trạng số 17/CT-VKSVT ngày 22/5/2018 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Thuận đã truy tố bị cáo Danh T về tội "*Trộm cắp tài sản*" theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa:

Kiểm sát viên đề nghị tuyên bố bị cáo Danh T phạm tội "*Trộm cắp tài sản*". Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 đề nghị xử phạt bị cáo Danh T từ 06 đến 09 tháng tù.

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại đã nhận lại tài sản bị mất trộm không yêu cầu gì thêm nên Viện kiểm sát không đề nghị.

Về vật chứng: 01 (một) điện thoại di động màu trắng đen hiệu OPPO A37, điện thoại đã qua sử dụng đã trả lại cho chủ sở hữu theo Quyết định xử lý vật chứng số 86 ngày 13/3/2018 của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Vĩnh Thuận.

Người bào chữa cho bị cáo T trình bày: Thống nhất tội danh và các tình tiết của đại diện Viện kiểm sát đề nghị. Việc xử lý là hoàn toàn đúng theo quy định pháp luật. Bị cáo phạm tội là nhất thời, là người dân tộc Khme, trình độ văn hóa thấp nên nhận thức pháp luật còn hạn chế, bị cáo phạm tội lần đầu, thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; đã khắc phục hậu quả cho người bị hại, người bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Đề nghị HĐXX xem xét cho bị cáo được hưởng mức án thấp nhất để bị cáo sớm về đoàn tụ với gia đình.

Bị cáo Danh T thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội như cáo trạng đã truy tố, không tranh luận gì thêm chỉ xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Người bị hại Phạm Thị Hồng K vắng mặt tại phiên tòa nên không có lời trình bày. Nhưng trong quá trình điều tra người bị hại có đơn xin bãi nại, xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo và đã nhận lại tài sản bị mất trộm, không yêu cầu gì thêm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án và các tài liệu trong hồ sơ đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Người bị hại Phạm Thị Hồng K đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không lý do. Xét thấy việc vắng mặt của người bị hại không làm ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án và trách nhiệm dân sự đã giải quyết xong nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 292 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 tiến hành xét xử vắng mặt người bị hại.

[2] Trong quá trình điều tra, truy tố Cơ quan điều tra; Điều tra viên; Viện kiểm sát; Kiểm sát viên đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng không có khiếu nại gì về hành vi, quyết định của các cơ cơ quan tiến hành tố tụng; người tiến hành tố tụng. Do đó, hành vi, Quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng theo quy định pháp luật.

[3] Trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa; căn cứ kết quả thẩm vấn cùng các chứng cứ đã thu thập có trong hồ sơ thể hiện: Khoảng 01 giờ ngày 11/02/2018 T lén lút đi đến nhà của cha mẹ chị Phạm Thị Hồng K ở ấp Đ, xã P trộm 01 điện thoại di động hiệu OPPO A37 màu trắng đen của chị K trong khi chị K đang ngủ, điện thoại có giá trị còn lại theo định giá là 3.151.820đ. Trong quá trình điều tra T đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội.

[4] Lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với lời khai của những người bị hại, phù hợp với các chứng cứ, tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa. Như vậy có đủ cơ sở để kết luận: Với ý định chiếm đoạt tài sản của người khác, bị cáo T đã lợi dụng đêm khuya và sự sơ hở của bị hại đã lén lút lấy trộm điện thoại di động của bị hại. Bị cáo thực hiện hành vi với lỗi cố ý trực tiếp; khi thực hiện hành vi bị cáo đã đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự và tài sản mà bị cáo chiếm đoạt

có giá trị theo định giá là 3.151.820đ. Do đó, hành vi của bị cáo T đã cấu thành tội *"Trộm cắp tài sản"* được quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015 quy định:

"Người nào trộm cắp tài sản của người khác có giá trị từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng ……., thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm".

[5] Bị cáo là người trong độ tuổi lao động, không tự kiếm tiền chân chính, lại tham lam trộm cắp tài sản của người khác để sử dụng cho bản thân. Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản hợp pháp của công dân, gây hoang mang, lo lắng trong nhân dân, ảnh hưởng đến tình hình an ninh trật tự ở địa phương. Vì vậy, Hội đồng xét xử cần phải có một mức án tương xứng với hành vi phạm tội để giáo dục bị cáo biết tuân thủ các quy định của pháp luật, đồng thời răn đe, phòng ngừa chung.

[6] Tuy nhiên, trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo; phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; người bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo nên được áp dụng tình tiết giảm nhẹ theo điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Từ những phân tích nêu trên xét thấy bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nhưng bị cáo không có nơi cư trú rõ ràng nên đại diện Viện kiểm sát đề nghị xử bị cáo bằng hình phạt tù có thời hạn là có căn cứ. Do đó Hội đồng xét xử cần phải xử bị cáo bằng hình phạt tù có thời hạn để Nhà nước quản lý, giáo dục bị cáo trở thành công dân sống có ích cho gia đình và xã hội.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Người bị hại đã nhận lại tài sản bị mất trộm, không yêu cầu gì thêm nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[8] Về án phí sơ thẩm: Bị cáo Danh T phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1- Căn cứ khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017. Tuyên bố bị cáo Danh T phạm tội "*Trộm cắp tài sản*".

Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017, xử phạt bị cáo Danh T 06 (sáu) tháng tù, tính kể từ ngày 12/3/2018.

2- Về án phí: Áp dụng Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 và Điều 6; Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Bị cáo Danh T phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm.

3- Bị cáo có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (17/8/2018); người bị hại vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:
- Bị cáo; Người bị hại;
- Người bào chữa;
- CA huyện Vĩnh Thuận;
- VKSND huyện Vĩnh Thuận;
- UBND xã P;
- Tòa án tỉnh Kiên Giang;
- VKSND tỉnh Kiên Giang;
- Sở Tư pháp tỉnh Kiên Giang;
- Phòng hồ sơ (PV27) CAKG;
- Lưu hồ sơ.

Nguyễn Minh Vũ

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Hội thẩm **Hội thẩm** **Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Nơi nhận:
- Bị cáo; Người bị hại;
- Người bào chữa;
- CA huyện Vĩnh Thuận;
- VKSND huyện Vĩnh Thuận;
- UBND thị trấn Vĩnh Thuận;
- Tòa án tỉnh Kiên Giang;
- Sở Tư pháp tỉnh Kiên Giang;
- Phòng hồ sơ (PV27) CAKG;
- Lưu hồ sơ.

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Minh Vũ

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Nơi nhận:
- Bị cáo; Người bị hại;
- Người bào chữa;
- CA huyện Vĩnh Thuận;
- VKSND huyện Vĩnh Thuận;
- UBND thị trấn Vĩnh Thuận;
- Tòa án tỉnh Kiên Giang;
- Sở Tư pháp tỉnh Kiên Giang;
- Phòng hồ sơ (PV27) CAKG;
- Lưu hồ sơ.

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Minh Vũ